

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý II năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	1.823.107.555.619	1.579.864.170.653	3.091.119.342.305	2.864.594.153.237
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL1	134.277.247.279	95.085.883.605	241.520.934.139	174.634.086.375
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL1	1.688.830.308.340	1.484.778.287.048	2.849.498.428.166	2.689.960.066.862
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	1.275.873.631.731	1.047.290.468.915	2.150.602.518.757	1.962.114.829.773
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		412.956.676.609	437.487.818.133	698.895.909.409	727.845.237.089
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	3.443.388.056	5.078.888.383	4.711.031.242	8.684.554.942
7. Chi phí tài chính	22	VL4	226.047.830.162	249.795.626.361	459.362.371.723	490.228.639.810
Trong đó: chi phí lãi vay	23		200.083.113.328	193.145.682.766	413.283.400.301	395.199.329.749
8. Chi phí bán hàng	24	VL5	167.872.956.334	98.499.481.723	195.198.321.661	178.172.954.804
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL6	26.539.037.003	34.805.484.130	52.171.492.581	68.479.097.599
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.059.758.834)	59.466.114.302	(3.625.245.314)	(350.900.182)
11. Thu nhập khác	31	VL7	5.118.937.646	6.897.025.741	5.867.265.973	11.130.201.600
12. Chi phí khác	32		1.059.178.812	10.299.630.878	2.342.020.659	10.789.301.418
13. Lợi nhuận khác	40		4.059.758.834	(3.402.605.137)	3.625.245.314	350.900.182
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		-	56.064.109.164	-	-
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	-	-	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		-	56.064.109.164	-	-
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-	-	-


Trương Thị Thu Hương
Người lập báo


Lê Thị Phương Dung
T. phòng tài chính kế toán

